HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA LÍT-VA

VỀ MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Lít-va, sau đây gọi là "Các Bên ký kết";

Dựa trên quan hệ hữu nghị giữa hai nước;

Mong muốn tăng cường mối quan hệ hữu nghị thông qua việc tạo thuận lợi cho việc đi lại của những người mang hộ chiếu ngoại giao của hai nước;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Công dân của mỗi Bên ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị được miễn thị thực nhập cảnh, cư trú, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia với thời hạn không quá chín mươi (90) ngày, trong thời hạn một trăm tám mươi (180) ngày.

2. Việc miễn thị thực nêu trên áp dụng cho công dân của các Bên ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị với điều kiện những người này không thực hiện bất kỳ hoạt động có thu nhập nào ở lãnh thổ Bên ký kết kia.

Điều 2

Công dân của các Bên ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, được bổ nhiệm là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc đại diện các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia, bao gồm thành viên gia đình họ, phải xin thị thực phù hợp trước khi nhập cảnh.

Điều 3

1. Công dân của các Bên ký kết, nêu tại Điều 1 của Hiệp định này, có thể nhập cảnh, xuất cảnh lãnh thổ Bên ký kết còn lại qua các cửa khẩu dành cho giao lưu quốc tế.

2. Các Bên ký kết phải thông báo ngay cho nhau qua đường ngoại giao về bất kì thay đổi nào của pháp luật, quy định của nước mình liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú đối với người nước ngoài.

Điều 4

Công dân một Bên ký kết phải mang hộ chiếu ngoại giao còn hạn ít nhấn ba (3) tháng kể từ ngày dự kiến xuất cảnh khỏi lãnh thổ Bên ký kết kia.

Điều 5

1. Hiệp định này không loại bỏ nghĩa vụ của công dân một Bên ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị phải tuân thủ pháp luật và quy định có hiệu lực trên lãnh thổ Bên kia.

2. Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền của các cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết về việc từ chối nhập cảnh hoặc rút ngắn thời hạn cư trú trên lãnh thổ của mình với công dân Bên ký kết kia được nêu tại Điều 1 của Hiệp định này khi những người này bị coi là không được hoan nghênh hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đến hòa bình, trật tự công, sức khỏe cộng đồng hoặc an ninh quốc gia.

Điều 6

1. Mỗi Bên ký kết có thể tạm thời đình chỉ thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hiệp định này vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công hoặc sức khỏe cộng đồng. Việc bắt đầu và chấm dứt đình chỉ phải được thông báo cho Bên ký kết kia kịp thời qua đường ngoại giao. Việc đình chỉ và chấm dứt đình sẽ có hiệu lực sau bốn mươi tám (48) giờ kể từ ngày một Bên nhận được thông báo đó bằng văn bản.

2. Việc đình chỉ thực hiện Hiệp đình này không ảnh hưởng đến quyền của những công dân nêu tại Điều 1 của Hiệp định này vốn đang ở trên lãnh thổ Nước tiếp nhận.

Điều 7

1. Các Bên ký kết phải giới thiệu cho nhau qua đường ngoại giao mẫu hộ chiếu ngoại giao hiện hành trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

2. Trong trường hợp đưa vào sử dụng mẫu hộ chiếu ngoại giao mới hay sửa đổi mẫu hiện hành, các Bên ký kết cần chuyển mẫu hộ chiếu này kèm theo thông tin về sự thay đổi thông qua đường ngoại giao không chậm hơn ba mươi (30) ngày trước khi mẫu hộ chiếu này chính thức được đưa vào sử dụng.

3. Trường hợp công dân của một Bên ký kết làm mất hay làm hỏng hộ chiếu ngoại giao còn giá trị trên lãnh thổ Nước còn lại thì cần thông báo ngay lập tức với cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước mà họ mang quốc tịch. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự liên quan sẽ cấp hộ chiếu mới hoặc giấy tờ đi lại cho người nói trên để trở về nước mà người này mang quốc tịch, phù hợp với pháp luật của nước mình.

Điều 8

Mọi bất đồng liên quan đến việc thực hiện và giải thích Hiệp định này sẽ được giải quyết một cách hữu nghị thông qua tham vấn, đàm phán giữa các Bên ký kết thông qua kênh ngoại giao.

Điều 9

1. Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên nhận được thông báo bằng văn bản cuối cùng qua đường ngoại giao trong đó các Bên thông báo việc đã hoàn thành các thủ tục nội bộ để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn, ngoại trừ trường hợp một Bên ký kết quyết định chấm dứt Hiệp định này bằng thông báo cho Bên ký kết kia bằng văn bản qua đường ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày một Bên ký kết nhận được thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hiệp định từ Bên ký kết kia.

3. Hiệp định này chỉ có thể được sửa đổi bằng thỏa thuận bằng văn bản của các Bên ký kết. Những sửa đổi đó có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 của Điều này và tạo thành một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

Làm tại .Hà...Nội..., ngày 23 tháng 01 năm 2019 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Lít-va và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA LÍT-VA
PHẠM BÌNH MINH BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO	EIMUTIS MISIUNAS BỘ TRƯỞNG NỘI VỤ

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF LITHUANIA

ONTHE EXEMPTION OF VISA REQUIREMENT FOR HOLDERS OF DIPLOMATIC PASSPORTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Lithuania, hereinafter referred to as the "Contracting Parties";

Considering the friendly relations between the two countries;

Desiring to further strengthen their friendly relations by facilitating the travels of holders of diplomatic passports of both countries;

Have agreed as follows:

Article 1

1. Nationals of the State of either Contracting Party, who are holders of valid diplomatic passports, shall be exempted from visa requirement for the entry into, stay in, exit from and transit through the territory of State of the other Contracting Party for a period not exceeding ninety (90) days in any period of one hundred and eighty (180) days.

2. The above mentioned exemption of visa requirement applies to the nationals of the State of either Contracting Party, who are holders of valid diplomatic passports, providing they do not undertake any gainful activity in the State of the other Contracting Party.

Article 2

Nationals of the State of either Contracting Party, who are holders of valid diplomatic passports and assigned as members of diplomatic missions or consular posts as well as representatives of international organizations, located in the territory of the State of other Contracting Party, including

their family members, shall be required to obtain appropriate entry visa prior to their entry.

Article 3

1. Nationals of the State of either Contracting Party, specified in Article 1 of this Agreement, may enter or leave the territory of the State of the other Contracting Party at all border crossing points opened to international passengers' traffic.

2. The Contracting Parties shall inform each other immediately through diplomatic channels of any change of their laws and regulations governing the entry, exit and stay of foreigners.

Article 4

The validity of diplomatic passports in the possession of nationals of the State of either Contracting Party shall extend at least three (3) months after the intended date of departure from the territory of the State of other Contracting Party.

Article 5

1. This Agreement shall not exempt nationals of the State of either Contracting Party, who are holders of valid diplomatic passports, from the obligations to respect laws and regulations enforced in the territory of the State of the other Contracting Party.

2. This Agreement does not affect the right of the competent authorities of the State of either Contracting Party to refuse admission or to shorten the stay in its territory of nationals of the State of the other Contracting Party, specified in Article 1 of this Agreement, who are considered undesirable or likely to endanger public peace, public order, public health or national security.

Article 6

1. Either Contracting Party may temporarily suspend, partly or entirely, the implementation of this Agreement for reasons of national

security, public order or public health. The introduction and termination of such suspension shall be promptly notified to the other Contracting Party through diplomatic channels. The suspension as well as the termination of the suspension shall enter into force 48 (forty eight) hours from the date of the receipt of the written notification by the other Contracting Party.

2. The suspension of the implementation of this Agreement shall not affect the rights of nationals, specified in Article 1 of this Agreement, who are already staying in the territory of the receiving State.

Article 7

1. The Contracting Parties shall exchange, through diplomatic channels, specimens of their diplomatic passports within thirty (30) days from the date of entry into force of this Agreement.

2. In case of introduction of new diplomatic passports, as well as modifications to the existing ones, the Parties shall transmit the specimens of the said passports and inform about any change to each other in writing through diplomatic channels not later than thirty (30) days prior to their official introduction.

3. In case nationals of the State of either Contracting Party lose or damage their valid diplomatic passports in the territory of the State of the other Contracting Party, they shall immediately inform the competent authorities of the receiving State, through diplomatic missions or consular posts of the country of their nationality. The diplomatic mission or consular post concerned shall issue to the aforementioned persons a new passport or travel document for returning to the country of their nationality, in conformity with the legislation of their country.

Article 8

Any difference or dispute arising from the implementation or interpretation of this Agreement shall be settled amicably through consultations and/or negotiations between the Contracting Parties through diplomatic channels.

Article 9

1. This Agreement shall enter into force thirty (30) days from the date of receipt of the last written notification in which the Contracting Parties inform each other, through diplomatic channels, that all requirements for the entry into force of this Agreement, as stipulated in their respective internal procedures, have been fulfilled.

2. This Agreement is concluded for an indefinite period of time, unless either Contracting Party decides to terminate this Agreement by giving written notification to the other Contracting Party through diplomatic channels. The termination shall take effect ninety (90) days after the date of the receipt of the written notification of termination by the other Contracting Party.

3. This Agreement may be amended only by mutual written consent of the Contracting Parties. Such amendment shall enter into force according to the paragraph 1 of this Article and shall form an integral part of this Agreement.

Done in ..Ha..Noi.... on .23./01./.2019. in two originals, each in the Vietnamese, Lithuanian and English languages, all text being equally authentic. In case of any divergence in their interpretation, the English text shall prevail.

ON BEHALF OF THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	ON BEHALF OF THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF LITHUANIA
PHAM BINH MINH VICE PRIME MINISTER, MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS	EIMUTIS MISIUNAS MINISTER OF INTERIOR

VIETNAMO SOCIALISTINĖS RESPUBLIKOS VYRIAUSYBĖS

IR

LIETUVOS RESPUBLIKOS VYRIAUSYBĖS

SUSITARIMAS

DĖL VIZŲ REŽIMO PANAIKINIMO DIPLOMATINIŲ PASŲ TURĖTOJAMS

Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybė ir Lietuvos Respublikos Vyriausybė (toliau – Susitariančiosios Šalys),

atsižvelgdamos į draugiškus abiejų valstybių santykius,

siekdamos toliau stiprinti draugiškus tarpusavio santykius palengvinant keliones abiejų valstybių diplomatinių pasų turėtojams,

s u s i t a r ė :

1 straipsnis

1. Vienos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečiams, turintiems galiojančius diplomatinius pasus, netaikomi vizų režimo reikalavimai, kai jie atvyksta į kitos Susitariančiosios Šalies valstybės teritoriją, išvyksta iš jos, būna joje ir vyksta per ją tranzitu ne ilgiau kaip 90 (devyniasdešimt) dienų per bet kurį 180 (šimto aštuoniasdešimties) dienų laikotarpį.

2. Pirmiau nurodytas vizų režimo panaikinimas taikomas vienos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečiams, turintiems galiojančius diplomatinius pasus, jei jie nesiverčia komercine veikla kitos Susitariančiosios Šalies valstybėje.

2 straipsnis

Vienos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečiai, turintys galiojančius diplomatinius pasus ir paskirti kitos Susitariančios Šalies valstybės teritorijoje veikiančių diplomatinių atstovybių ar konsulinių įstaigų darbuotojais arba tarptautinių organizacijų atstovais, taip pat jų šeimos nariai privalo prieš atvykdami gauti atitinkamą įvažiavimo vizą.

3 straipsnis

1. Šio Susitarimo 1 straipsnyje nurodyti vienos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečiai gali atvykti į kitos Susitariančiosios Šalies valstybės teritoriją ar išvykti iš jos per visus tarptautiniam keleivių judėjimui skirtus sienos kirtimo punktus.

2. Susitariančiosios Šalys nedelsdamos diplomatiniais kanalais praneša viena kitai apie visus įstatymų ir kitų teisės aktų, kuriais reglamentuojamas užsieniečių atvykimas, buvimas ir išvykimas, pakeitimus.

4 straipsnis

Vienos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečių turimų diplomatinių pasų galiojimo terminas turi būti ne trumpesnis kaip 3 (trys) mėnesiai po numatomo išvykimo iš kitos Susitariančiosios Šalies valstybės teritorijos dienos.

5 straipsnis

1. Šis Susitarimas neatleidžia vienos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečių, turinčių galiojančius diplomatinius pasus, nuo pareigos laikytis kitos Susitariančiosios Šalies valstybės teritorijoje galiojančių įstatymų ir kitų teisės aktų.

2. Šis Susitarimas neturi įtakos vienos Susitariančiosios Šalies valstybės kompetentingų institucijų teisei neleisti atvykti į jos valstybės teritoriją arba sutrumpinti buvimo joje laiką šio Susitarimo 1 straipsnyje nurodytiems kitos Susitariančiosios Šalies valstybės piliečiams, kurie laikomi nepageidaujamais ar gali kelti grėsmę visuotinei taikai, viešajai tvarkai, visuomenės sveikatai ar valstybės saugumui.

6 straipsnis

1. Susitariančiosios Šalys, siekdamos užtikrinti nacionalinį saugumą, viešąją tvarką arba visuomenės sveikatą, gali laikinai sustabdyti šio Susitarimo – viso ar jo dalies – įgyvendinimą. Apie sprendimą sustabdyti Susitarimą ar atšaukti jo sustabdymą diplomatiniais kanalais nedelsiant pranešama kitai Susitariančiajai Šaliai. Sustabdymas ar jo atšaukimas įsigalioja praėjus 48

(keturiasdešimt aštuonioms) valandoms nuo tada, kai kita Susitariančioji Šalis gauna rašytinį pranešimą.

2. Šio Susitarimo įgyvendinimo sustabdymas neturi poveikio jo 1 straipsnyje nurodytų piliečių, jau esančių priimančiosios valstybės teritorijoje, teisėms.

7 straipsnis

1. Susitariančiosios Šalys ne vėliau kaip prieš 30 (trisdešimt) dienų iki šio Susitarimo įsigaliojimo diplomatiniais kanalais perduoda viena kitai savo diplomatinių pasų pavyzdžius.

2. Kai pradedami naudoti nauji ar pakeisti diplomatiniai pasai, Susitariančiosios Šalys diplomatiniais kanalais perduoda viena kitai minėtų diplomatinių pasų pavyzdžius ir raštu praneša viena kitai apie visus pakeitimus ne vėliau kaip prieš 30 (trisdešimt) dienų iki oficialaus naudojimo pradžios.

3. Jeigu vienos Susitariančiosios Šalies valstybės pilietis pameta ar sugadina galiojantį diplomatinį pasą kitos Susitariančiosios Šalies valstybės teritorijoje, jis per savo šalies diplomatinę atstovybę ar konsulinę įstaigą nedelsdamas praneša apie tai priimančiosios valstybės kompetentingoms institucijoms. Atitinkama diplomatinė atstovybė ar konsulinė įstaiga išduoda pirmiau minėtam asmeniui naują pasą ar kelionės dokumentą grįžti į savo šalį, vadovaudamasi šios šalies įstatymais.

8 straipsnis

Visi nesutarimai ar ginčai dėl šio Susitarimo nuostatų įgyvendinimo ar aiškinimo sprendžiami draugiškai Susitariančiųjų Šalių konsultacijomis ir (ar) derybomis diplomatiniais kanalais.

9 straipsnis

1. Šis Susitarimas įsigalioja praėjus 30 (trisdešimčiai) dienų nuo tada, kai gaunamas paskutinis rašytinis pranešimas, kuriuo Susitariančiosios Šalys diplomatiniais kanalais praneša viena kitai, kad visi reikalavimai, pagal atitinkamas vidaus procedūras būtini šiam Susitarimui įsigalioti, yra įvykdyti.

2. Šis Susitarimas sudaromas neribotam laikui, jei viena Susitariančioji Šalis nenusprendžia jo nutraukti, raštu diplomatiniais kanalais pranešdama apie tai kitai Susitariančiajai Šaliai. Nutraukimas įsigalioja praėjus 90 (devyniasdešimčiai) dienų nuo tada, kai kita Susitariančioji Šalis gauna rašytinį pranešimą apie Susitarimo nutraukimą.

3. Šis Susitarimas gali būti iš dalies keičiamas abipusiu rašytiniu Susitariančiųjų Šalių sutarimu. Tokie pakeitimai įsigalioja šio straipsnio 1 dalyje nustatyta tvarka ir yra neatsiejama šio Susitarimo dalis.

Pasirašyta Hanojuje 2019 m. sausio 23 d. dviem egzemplioriais vietnamiečių, lietuvių ir anglų kalbomis. Visi tekstai yra autentiški. Kilus nesutarimų dėl šio Susitarimo aiškinimo, vadovaujamasi tekstu anglų kalba.

Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės vardu

PHAM BINH MINH

VIETNAMO SOCIALISTINĖS RESPUBLIKOS

MINISTRO PIRMININKO PAVADUOTOJAS IR

UŽSIENIO REIKALŲ MINISTRAS

Lietuvos Respublikos Vyriausybės vardu



ELMUTIS MISIŪNAS

LIETUVOS RESPUBLIKOS

VIDAUS REIKALŲ MINISTRAS